

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Ly B, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Số 108A1, khu phố B, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Ông Phan Duy K, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Số 108A1, khu phố B, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

(Bà Phạm Thị Ly B có mặt, ông Phan Duy K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ly B trình bày:

Bà và ông Phan Duy K kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện TP, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/5/2014, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

thường xuyên cự cãi, không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau. Vào năm 2020, bà đã một lần nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông K nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn nhưng không thành, bà và ông K đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông K có 01 con chung tên Phan Phạm Phú H, sinh ngày: 30/5/2016 hiện đang sống chung với ông K, sau khi ly hôn bà đồng ý giao cháu H cho ông K nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ ông K đến để tiến hành hòa giải nhưng ông K vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ly B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Ly B khởi kiện ông Phan Duy K yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Duy K là bị đơn cư trú tại thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Phan Duy K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông K vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Phan Duy K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ly B và ông Phan Duy K kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện TP, tỉnh Bến Tre vào

ngày 05/5/2014, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà B cho rằng mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau, bà đã từng nộp đơn ly hôn và sau đó rút đơn để hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông K để tham gia phiên hòa giải nhưng ông K vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B thể hiện ông không muốn hàn gắn, đồng thời bà B đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông K nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn nhưng không thành và ông bà cũng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông K là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[3.2] Về con chung: bà Phạm Thị Ly B và ông Phan Duy K có 01 con chung tên Phan Phạm Phú H, sinh ngày: 30/5/2016, sau khi ly hôn bà B đồng ý giao cho ông K nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu H hiện đang sinh sống chung với ông K nên việc giao cháu H cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà B là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà B không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên nếu ông K có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết, nếu không thỏa thuận được ông K có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ việc khác.

[3.3] Về tài sản chung: Bà B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Ly B phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ly B đối với bị đơn ông Phan Duy K về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ly B được ly hôn với ông Phan Duy K.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Phạm Phú H, sinh ngày: 30/5/2016 cho ông Phan Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phạm Thị Ly B không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị Ly B được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Ly B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Ly B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Ly B phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005373 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Phạm Thị Ly B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Phan Duy K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện TP, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út